|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI  **TRƯỜNG THPT ĐINH TIÊN HOÀNG** | | | | | | **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II,**  **NĂM HỌC 2023 – 2024**  **MÔN: CÔNG NGHỆ 11 – CÔNG NGHỆ CHĂN NUÔI**  **THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút** | | | | | | | | | | | |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | | **Tổng** | | | **% tổng**  **điểm** |
| **Nhận biết** | | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | | **Số CH** | | **Thời gian (phút)** |  |
| **Số CH** | **Thời gian (phút)** | | **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **TN** | **TL** |  |  |
| **1** | **4. Phòng, trị bệnh cho vật nuôi** | 4.1. Vai trò của phòng, trị bệnh trong chăn nuôi. | 1 | 0,75 | | 1 | 1,5 |  |  |  |  | 2 | 0 | 2,25 | 5,0 |
| 4.2. Một số bệnh phổ biến trong chăn nuôi (đặc điểm, nguyên nhân và biện pháp phòng, trị). | 2 | 1,5 | | 1 | 1,5 |  |  |  |  | 3 | 0 | 3,0 | 7,5 |
| 4.3. Một số ứng dụng của công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi. | 1 | 0,75 | | 0 | 0 |  |  | 1 | 5 | 1 | 1 | 5,75 | 12,5 |
| **2** | **5. Công nghệ chăn nuôi** | 5.1. Chuồng nuôi và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi | 1 | 0,75 | | 1 | 1,5 |  |  |  |  | 2 | 0 | 2,25 | 5,0 |
| 5.2. Quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi phổ biến. | 1 | 0,75 | | 1 | 1,5 |  |  |  |  | 2 | 0 | 2,25 | 5,0 |
|  | 5.3. Chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP. | 2 | 1,5 | | 1 | 1,5 |  |  |  |  | 3 | 0 | 3,0 | 7,5 |
|  | 5.4. Chăn nuôi công nghệ cao | 2 | 1,5 | | 2 | 3,0 |  |  |  |  | 4 | 0 | 4,5 | 10,0 |
|  | 5.5. Bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi. | 2 | 1,5 | | 2 | 3,0 | 1 | 10 |  |  | 4 | 1 | 14,5 | 30,0 |
| **3** | **6. Bảo vệ môi trường trong chăn nuôi** | 6.1. Bảo vệ môi trường trong chăn nuôi. | 2 | 1,5 | | 2 | 3,0 |  |  |  |  | 4 | 0 | 4,5 | 10,0 |
| 6.2. Xử lí chất thải chăn nuôi. | 2 | 1,5 | | 1 | 1,5 |  |  |  |  | 3 | 0 | 3,0 | 7,5 |
| **Tổng** | |  | **16** | **12** | | **12** | **18** | **1** | **10** | **1** | **5** | **28** | **2** | **45** | **100** |
| **Tỉ lệ (%)** | |  | **40** | | | **30** | | **20** | | **10** | |  |  |  |  |
| **Tỉ lệ chung %)** | |  | **70** | | | | | **30** | | | |  |  |  |  |

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2

###### MÔN: CÔNG NGHỆ 11– CÔNG NGHỆ CHĂN NUÔI THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận**  **dụng** | **Vận dụng cao** |
| 1 | **4. Phòng trị bệnh cho vật nuôi** | 4.1. Vai trò của phòng, trị bệnh  trong chăn nuôi. | **Nhận biết:**   * Trình bày được khái niệm, tác hại của bệnh trong chăn nuôi.   **Thông hiểu:**   * Nêu được vai trò của phòng trị bệnh với thực tiễn chăn nuôi ở gia đình và địa phương. | 1 | 1 |  |  |
|  | 4.2. Một số  bệnh phổ  biến trong chăn nuôi  (đặc điểm, nguyên nhân và biện pháp phòng, trị). | **Nhận biết**  - Kể tên được một số bệnh phổ biến trên gia cầm.  - Kể tên được một số bệnh phổ biến trên gia súc (lợn, trâu, bò và các gia súc khác).  **Thông hiểu**   * Phân biệt được các đặc điểm cơ bản của một số bệnh phổ biến trên gia súc. | 2 | 1 |  |  |
|  | 4.3. Một số ứng dụng của công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi. | **Nhận biết:**  - Kể tên được một số ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh vật nuôi.  **Vận dụng cao**   * Phân tích ý nghĩa của biện pháp công nghệ sinh học trong phòng trị bệnh cho vật nuôi ở gia đình, địa phương. | 1 |  |  | 1 |
| 2 | **5. Công nghệ chăn nuôi** | 5.1.  Chuồng nuôi và bảo vệ môi  trường trong chăn nuôi | **Nhận biết:**   * Nêu được đặc điểm của các loại chuồng nuôi phổ biến trong chăn nuôi.   **Thông hiểu**  - Phân tích được các yêu cầu về chuồng nuôi của một số vật nuôi phổ biến. | 1 | 1 |  |  |
|  |  | 5.2. Quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi phổ biến | **Nhận biết:**   * Nêu được quy trình của việc nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi.   **Thông hiểu**   * Phân tích được một số yêu cầu cơ bản về thức ăn đối với các loại vật nuôi phổ biến. | 1 | 1 |  |  |
|  |  | 5.3. Chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP | **Nhận biết:**   * Kể tên được các bước trong quy trình chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP. * Ý nghĩa của bước quản lí chất thải và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGap * **Thông hiểu** * Phân tích được nội dung các bước trong quy trình chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP. | 2 | 1 |  |  |
|  |  | 5.4. Chăn nuôi công nghệ cao | **Nhận biết:**   * Nêu được khái niệm chăn nuôi công nghệ cao. * Nêu được một số ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi.   **Thông hiểu**   * Tóm tắt được nguyên lý hoạt động của một công nghệ cao được áp dụng phổ biến trong chăn nuôi gà ở Việt Nam và trên thế giới. * Ý nghĩa của ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi | 2 | 2 |  |  |
|  |  | 5.5. Bảo quản và  chế biến  sản phẩm chăn nuôi | **Nhận biết:**   * Nêu được vai trò của bảo quản sản phẩm chăn nuôi. * Nêu phương pháp bảo quản sản phẩm chăn nuôi.   **Thông hiểu**   * Lựa chọn được phương pháp chế biến phù hợp cho một số loại sản phẩm chăn nuôi phổ biến. * Phân tích được quy trình công nghệ chế biến sữa.   **Vận dụng**   * Đề xuất được phương pháp bảo quản, chế biến phù hợp cho một sản phẩm chăn nuôi phổ biến ở gia đình, địa phương. | 2 | 2 | 1 |  |
| 6 | **6. Bảo vệ môi trường trong chăn nuôi** | 6.1. Bảo vệ môi trường trong chăn nuôi. | **Nhận biết:**  - Nêu được một số chất thải gây ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi.  - Nêu được tác hại của ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi.  **Thông hiểu:**   * Giải thích được các nguyên nhân chính gây ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi. * Phân tích được tác hại của ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi. | 2 | 2 |  |  |
|  |  | 6.2. Xử lí chất thải  chăn nuôi | **Nhận biết:**   * Tác dụng của công nghệ Bioga trong xử lí chất thải chăn nuôi. * Xác định biện pháp xử lí chất thải chăn nuôi ứng dụng công nghệ sinh học phổ biến.   **Thông hiểu:**   * Phân tích vai trò của công nghệ sinh học trong xử lí chất thải chăn nuôi vào bảo vệ môi trường. | 2 | 1 |  |  |

ĐỀ

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7 điểm)**

**Câu 1:** Quy trình chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP gồm mấy bước ?

**A.** 6 **B.** 7. **C.** 4. **D.** 5.

**Câu 2:** Đâu là bệnh không lây truyền từ vật nuôi sang người ?

**A.** Bệnh than, cúm gia cầm **B.** bệnh Ebola, bệnh phong,

**C.** Bệnh dại **D.** Bệnh tụ huyết trùng

**Câu 3:** Đâu không phải là hoạt động của mô hình chăn nuôi gà đẻ thu trứng tự động?

**A.** Hệ thống còn lưu trữ trứng các trứng dập, trứng vỡ, trứng bẩn, trứng không bình thường in thông tin về ngày gà đẻ, hạn dùng lên vỏ trứng, đóng hộp, chuyển về kho và đưa đi tiêu thụ.

**B.** Trứng đạt yêu cầu sẽ được diệt khuẩn, phân thành các nhóm to, vừa, nhỏ,... in thông tin về ngày gà đẻ, hạn dùng lên vỏ trứng, đóng hộp, chuyển về kho và đưa đi tiêu thụ.

**C.** Hệ thống còn lưu trữ và cung cấp thông tin về số lượng, chất lượng trứng của từng cá thể, từng ô chuồng, từng dãy, từng nhà gà để người chăn nuôi kịp thời điều chỉnh khi có sự cố.

**D.** Các robot tách các trứng dập, trứng vỡ, trứng bẩn, trứng không bình thường ra khỏi hệ thống.

**Câu 4:** Đâu không phải là vai trò của bảo quản sản phẩm chăn nuôi:

**A.** Tiêu diệt mầm bệnh và kéo dài thời gian bảo quản thực phẩm.

**B.** Nâng cao hiệu quả sử dụng các sản phẩm.

**C.** Tăng giá trị kinh tế.

**D.** Nâng cao giá trị dinh dưỡng của thực phẩm.

**Câu 5:** Chăn nuôi công nghệ cao có thể áp dụng với những loại vật nuôi nào ?

**A.** những loại vật nuôi như chó, mèo, vịt… **B.** những loại vật nuôi như bò, mèo, cá…

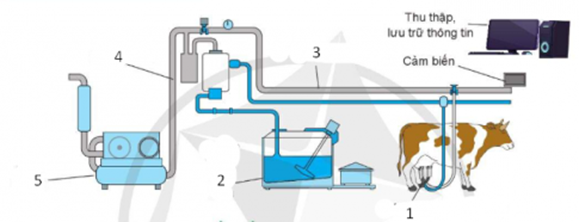
**C.** những loại vật nuôi như bò sữa, gà, lợn… **D.** những loại vật nuôi như chó, gà lấy thịt.

**Câu 6:** Đâu là chất thải chăn nuôi?

**A.** Môi trường không khí. **B.** Phân, nước tiểu gia súc.

**C.** Thức ăn chăn nuôi. **D.** Môi trường nước.

**Câu 7:** Đây là hệ thống vắt sữa tự động trong trang trại bò sữa:



Số 3 trong hình là gì?

**A.** Bơm chân không **B.** Ống dẫn chân không **C.** Hệ thống ống dẫn **D.** Bồn chứa sữa lạnh

**Câu 8:** Ý nào không phải là tác dụng của công nghệ Bioga trong xử lí chất thải chăn nuôi:

**A.** Khí sinh học CH4 làm nhiên liệu trong sinh hoạt, sản xuất.

**B.** Bã thải được dùng làm phân bón cho cây.

**C.** Nước thải sau khi xử lí dùng làm nước tưới cho cây.

**D.** Nâng cao năng xuất, chất lượng sản phẩm chăn nuôi.

**Câu 9:** Vai trò của công nghệ sinh học trong xử lí chất thải vào bảo vệ môi trường:

1. Nâng cao hiệu quả và đẩy nhanh quá trình phân hủy chất hữu cơ trong chất thải.

2. Giảm được chất thải ra môi trường.

3. Tiêu diệt được các mầm bệnh.

4. Giảm mùi hôi thối, giảm ruồi muỗi.

Có bao nhiêu phương án đúng?

**A.** 1. **B.** 2. **C.** 3. **D.** 4.

**Câu 10:** Nhiệt độ thích hợp cho quá trình tiệt trùng sữa:

**A.** 135-1750C. **B.** 125- 1400C. **C.** 90- 1000C. **D.** 150- 2000C.

### Câu 11: Để giảm thiểu phát sinh chất thải chăn nuôi chúng ta cần:

### 1. sản xuất chế phẩm sinh học.

### 2. chế phẩm enyme có chức năng nâng cao tỉ lệ tiêu hóa thức ăn và làm giảm lượng phát sinh chất thải.

### 3. cân đối khẩu phần ăn ủ chua để giảm sinh khí methane từ lên men dạ cỏ.

Hãy chọn phương án đúng

**A.** 1, 2, 3. **B.** 1, 2. **C**. 2, 3. **D.** 1, 3.

**Câu 12:** Ý nghĩa của bước quản lí chất thải và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGap là:

**A.** Hạn chế dịch bệnh, giảm thu nhập. **B.** Bảo vệ môi trường, tăng thu nhập.

**C.** Bảo vệ môi trường, hạn chế dịch bệnh. **D.** Bảo vệ môi trường, giảm thu nhập.

**Câu 13:** Đâu không phải là tác hại của bệnh trong chăn nuôi:

**A.** Vật nuôi có thể bị chết.

**B.** Vật nuôi sinh trưởng, phát triển kém.

**C.** Ảnh hưởng xấu đến đến sự sinh trưởng của sinh vật gây bệnh.

**D.** Ảnh hưởng quá trình tăng gia sản xuất vật nuôi.

**Câu 14:** Đâu không phải công nghệ cao trong chăn nuôi

**A.** Mô hình chăn nuôi dê gắn chip. **B.** Mô hình chăn nuôi bò sữa gắn chip.

**C.** Mô hình sử dụng robot trong chăn nuôi bò. **D.** Mô hình chăn nuôi gà đẻ thu trứng tự động.

**Câu 15:** Con giống được quản lí theo phương thức nào ?

**A.** Cùng vào – cùng ra **B.** Cùng vào – cùng vào

**C.** Cùng ra – cùng ra **D.** Ra vào tự do

**Câu 16:** Ý nào sau đây đúng khi nói về vị trí chuồng nuôi?

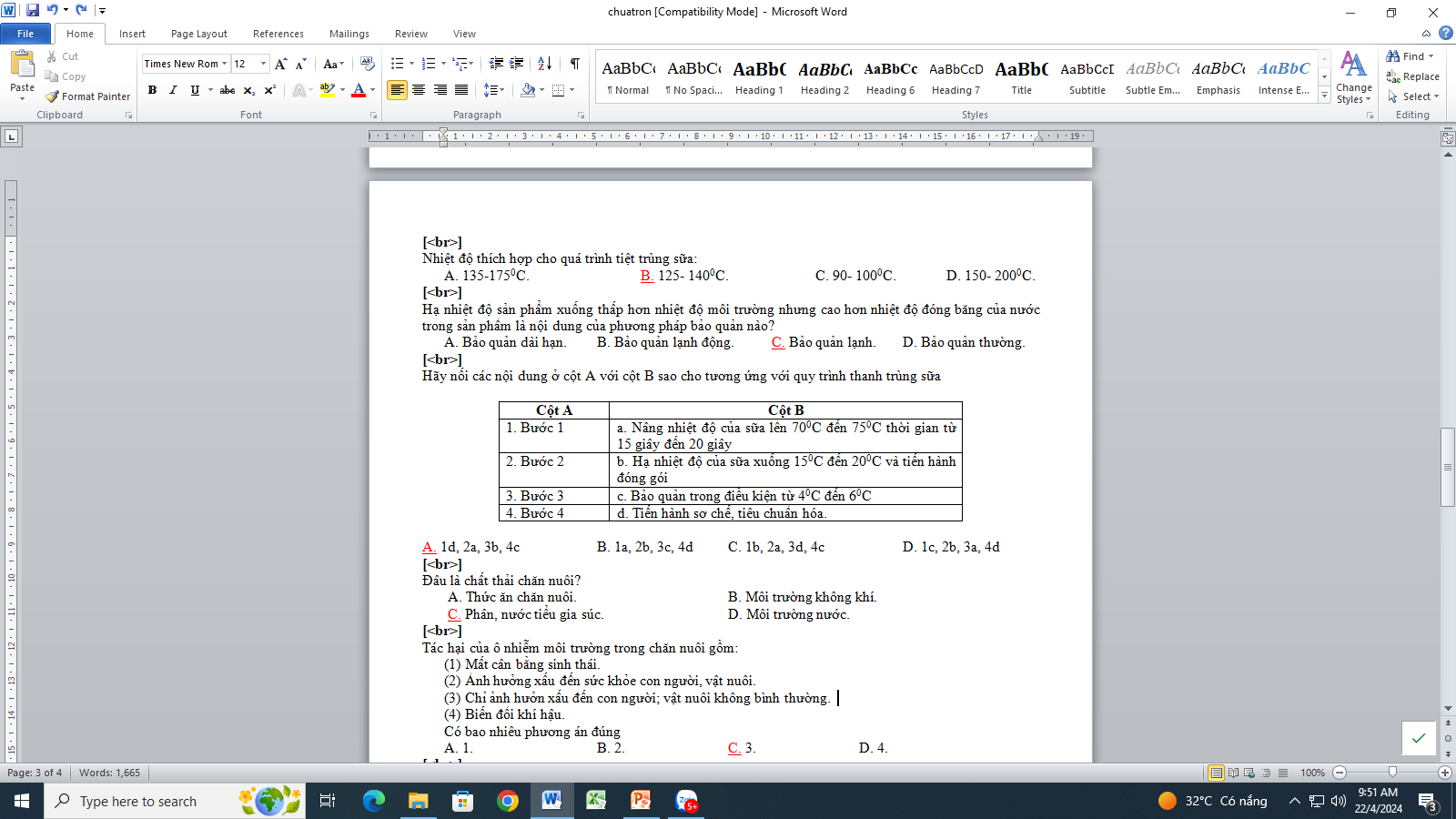
**A.** Chuồng nuôi nên xây dựng ở nơi yên tĩnh, gần khu dân cư, gần nhà ở.

**B.** Chuồng nuôi nên xây dựng ở nơi gần sông suối, gần khu dân cư, xa đường giao thông.

**C.** Chuồng nuôi nên xây dựng ở nơi yên tĩnh, gần khu dân cư, xa đường giao thông.

**D.** Chuồng nuôi nên xây dựng ở nơi yên tĩnh, xa khu dân cư, xa đường giao thông.

**Câu 17:** Hãy nối các nội dung ở cột A với cột B sao cho tương ứng với quy trình thanh trùng sữa



**A.** 1d, 2a, 3b, 4c **B.** 1a, 2b, 3c, 4d **C.** 1b, 2a, 3d, 4c **D.** 1c, 2b, 3a, 4d

**Câu 18:** Chế độ dinh dưỡng được cung cấp cho lợn dựa trên cơ sở:

**A.** Giống. **B.** Giai đoạn sinh trưởng, phát triển.

**C.** Tuổi. **D.** Cân nặng.

**Câu 19:** Hạ nhiệt độ sản phẩm xuống thấp hơn nhiệt độ môi trường nhưng cao hơn nhiệt độ đóng băng của nước trong sản phẩm là nội dung của phương pháp bảo quản nào?

**A.** Bảo quản dài hạn. **B.** Bảo quản lạnh động. **C.** Bảo quản lạnh. **D.** Bảo quản thường.

**Câu 20:** Nguyên nhân chính gây ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi:

**A.** Sử dụng thuốc phòng bệnh cho vật nuôi. **B.** Chất thải chăn nuôi.

**C.** Vệ sinh, khử trùng chuồng trại. **D.** Áp dụng công nghệ cao trong chăn nuôi.

**Câu 21:** Hãy xác định biện pháp xử lí chất thải chăn nuôi ứng dụng công nghệ sinh học phổ biến ?

**A.** Xây dựng chuồng trại, vệ sinh chăn nuôi. **B.** Chăn nuôi tiết kiệm nước.

**C.** Sử dụng công nghệ biogas. **D.** Nuôi động vật khác làm thức ăn cho vật nuôi

**Câu 22:** Trong quá trình chăm sóc vật nuôi, ý nào sau đây không đúng?

**A.** Thường xuyên quan sát đàn vật nuôi.

**B.** Lượng nước uống hàng ngày cố định.

**C.** Chú ý cường độ và liều lượng chiếu sáng.

**D.** Thường xuyên vệ sinh máng ăn, máng uống sạch sẽ.

### Câu 23: Vai trò của công nghệ khí sinh học trong xử lí chất thải chăn nuôi

### 1. làm chất đốt, chạy máy phát điện, làm phân bón.

### 2. làm chất độn chuồng trong chăn nuôi.

### 3. làm lò hơi, lò sưởi, các ngành công nghiệp cần nhiệt.

4. tiêu diệt các vi sinh vật gây bệnh cho con người và vật nuôi.

Có bao nhiêu phương án đúng

**A.** 1. **B.** 4. **C.** 3. **D.** 2.

**Câu 24:** Đặc điểm của chuồng nuôi kín gồm:

(1) Kiểm soát được tiểu khí hâu chuồng nuôi

(2) Chi phí đầu tư thấp

(3) Dễ kiểm soát dịch bệnh

(4) Phù hợp chăn nuôi công nghiệp, quy mô lớn

(5) Phù hợp chăn nuôi bán công nghiệp, chăn thả tự do

(6) Khó kiểm soát dịch bệnh

(7) Chi phí đầu tư cao

**A.** 1,3,5,6,7. **B.** 1,3,4,6,7. **C.** 1, 3, 4, 7. **D.** 1,2,3,4,6.

**Câu 25:** Vai trò của phòng trị bệnh trong chăn nuôi là

**A.** Bảo vệ vật nuôi, nâng cao hiệu quả chăn nuôi. **B.** Bảo vệ chuồng nuôi.

**C.** Bảo vệ động vật và con người. **D.** Chăm lo sức khỏe cho con người.

**Câu 26:** Đâu là bệnh truyền nhiễm

**A.** Bệnh dịch tả châu phi **B.** Bệnh đường tiết niệu

**C.** Bệnh tim mạch **D.** Bệnh sơ gan

**Câu 27:** Các ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh vật nuôi là:

(1) Sản xuất vaccin.

(2) Chẩn đoán bệnh sớm.

(3) Sản xuất kháng sinh.

(4) Sản xuất hoocmôn.

**A.** (1), (2). **B.** (1),(2), (3), (4). **C.** (1), (2), (4). **D.** (1), (2), (3).

**Câu 28:** Lợn mắc bệnh dịch tả cổ điển và bệnh tai xanh có triệu chứng giống nhau là

**A.** tai chuyển màu xanh tím. **B.** ho.

**C.** da có nhiều điểm xuất huyết. **D.** sốt cao.

**II. PHẦN TỰ LUẬN (3 điểm)**

Câu 1. Đề xuất quy trình làm sữa chua từ sữa bò, dê ở địa phương em ?(2đ)

Câu 2. Hãy phân tích những lợi ích đem lại cho ngành chăn nuôi từ việc ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi ? (1đ)

----------- HẾT ----------

**ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM CHẤM**

**I. TRẮC NGHIỆM**

**Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| cautron | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 |
| dapan | B | D | A | B | C | B | C | D | D | B | A | C | C | A | A | D | A | B | C | B | C | B | D | C | A | A | D | D |

**PHẦN II- TỰ LUẬN:**

CÂU 1: 2 điểm: (0.5 điểm/1 bước nêu)

\*Các bước trong quy trình chế biến sữa chua ở quy mô công nghiệp

B1: Nhập nguyên liêu: sữa tươi, sữa bột

B2: Lọc bỏ tạp chất, váng sữa

B3: Đồng hóa: phân tán mỡ trong sữa, hòa tan sữa bột

B4: Khử trùng Pasteur: 90 - 95 độ C/3 - 5 phút => làm nguội 38 - 42 độ C

B5: Bổ sung giống vi khuẩn lactic => lên men

B6: Làm lạnh 15 - 20 độ C, kết thúc lên men

B7: Bổ sung phụ gia sau đó chuyển đến bồn rót

B8: Đóng hộp, bao gói

CÂU 2: (Mỗi ý đúng 0.2 đ)

Công nghệ sinh học đã mang lại nhiều lợi ích cho ngành chăn nuôi trong việc phòng và trị bệnh cho vật nuôi. Dưới đây là một số lợi ích chính của công nghệ sinh học trong ngành chăn nuôi:

* Tăng hiệu quả sản xuất: Công nghệ sinh học có thể giúp cải thiện khả năng miễn dịch của vật nuôi, giảm tốn kém trong việc sử dụng kháng sinh và thuốc trừ sâu, giúp vật nuôi tăng cường sức đề kháng, tăng trọng nhanh hơn và tăng hiệu suất sản xuất.
* Giảm chi phí: Sử dụng công nghệ sinh học để phòng và trị bệnh cho vật nuôi có thể giảm thiểu chi phí dùng thuốc và kháng sinh, giảm thiểu tỷ lệ tử vong và bệnh tật, làm giảm thiểu chi phí đào tạo nhân viên.
* Tăng tính bền vững: Việc áp dụng công nghệ sinh học trong ngành chăn nuôi giúp tạo ra môi trường nuôi trồng bền vững, giảm thiểu ảnh hưởng đến môi trường và tài nguyên tự nhiên.
* Đảm bảo an toàn thực phẩm: Sử dụng công nghệ sinh học để phòng và trị bệnh cho vật nuôi có thể giúp đảm bảo an toàn thực phẩm, giảm thiểu sử dụng hóa chất và thuốc trừ sâu trong chăn nuôi.
* Nâng cao chất lượng sản phẩm: Công nghệ sinh học có thể giúp tăng chất lượng thịt, sữa và trứng với các yếu tố dinh dưỡng cần thiết cho sức khỏe con người.